# CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG QUAN PHÁT
# CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG QUAN PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CTY TNHH TV TK XD QUAN PHÁT

**2. Mã số doanh nghiệp:** 1900627081

**3. Ngày thành lập:** 31/07/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 52, Quốc Lộ 1A, Khóm 1, Phường 1, Thị xã Giá Rai, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam

Điện thoại: *02913 847 369* Fax:

Email: *ctytvtkxdquanphat@gmail.com* Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|---|---|---|
| 1. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ | *4933* |
| 2. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại | *3821* |
| 3. | Thu gom rác thải không độc hại | *3811* |
| 4. | Tái chế phế liệu | *3830* |
| 5. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh | *4730* |
| 6. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động | *5610* |
| 7. | Bốc xếp hàng hóa | *5224* |
| 8. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác | *4390* |
| 9. | Bán mô tô, xe máy | *4541* |
| 10. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy | *4542* |
| 11. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy | *4543* |
| 12. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | *4759* |
| 13. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê xe cuốc, xe ủi, xe ben, xe tải, xe con; xe khác các loại | *7710* |
| 14. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) | *4931* |
| 15. | Vận tải hành khách đường bộ khác | *4932* |
| 16. | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương | *5012* |
| 17. | Vệ sinh chung nhà cửa | *8121* |
| 18. | Xây dựng nhà các loại | *4100(Chính)* |
| 19. | Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa | *5022* |

| | | |
|---|---|---|
| 20. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Nhận di chuyển các đồ vật vừa và nhỏ | *8299* |
| 21. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác | *4520* |
| 22. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác | *4530* |
| 23. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác | *4659* |
| 24. | Bán buôn tổng hợp | *4690* |
| 25. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh | *4764* |
| 26. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, nước thơm, mỹ phẩm: son, phấm, kem, chế phẩm trang điểm khác, vật phẩm vệ sinh: nước gội đầu, sữa tắm, khăn giấy thơm | *4772* |
| 27. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh | *4773* |
| 28. | Vận tải bằng xe buýt | *4920* |
| 29. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc công trình | *7110* |
| 30. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp | *8110* |
| 31. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện | *1629* |
| 32. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | *2392* |
| 33. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng | *1622* |
| 34. | Thu gom rác thải độc hại | *3812* |
| 35. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh | *4761* |
| 36. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại | *3822* |
| 37. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế bằng gỗ và các sản phẩm khác bằng gỗ<br>- Bán buôn thiết bị điện gia dụng | *4649* |
| 38. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Bán buôn thức ăn gia súc, gia cầm, thức ăn thủy hải sản | *4620* |
| 39. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Bán buôn dầu, nhớt | *4661* |
| 40. | Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác<br>Chi tiết: Phục vụ vệ sinh cơ quan, xí nghiệp và hộ gia đình | *8129* |
| 41. | Quảng cáo | *7310* |

| | | |
|---|---|---|
| 42. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm | *7810* |
| 43. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại<br>Chi tiết: Gia công cửa nhôm, cửa sắt các loại | *2592* |
| 44. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất; mua bán các loại gỗ phục vụ công trình | *4663* |
| 45. | Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản | *1020* |
| 46. | Nuôi trồng thuỷ sản biển | *0321* |
| 47. | Đại lý, môi giới, đấu giá | *4610* |
| 48. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ<br>Chi tiết: Xây dựng công trình cầu, đường bộ | *4210* |
| 49. | Xây dựng công trình công ích | *4220* |
| 50. | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: San lấp mặt bằng | *4312* |
| 51. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao | *2395* |
| 52. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, kỹ thuật dân dụng khác và thi công nạo vét lòng sông | *4290* |
| 53. | Phá dỡ | *4311* |
| 54. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế | *3100* |
| 55. | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) | *4512* |
| 56. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác | *4511* |
| 57. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác | *4513* |
| 58. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông | *4652* |
| 59. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ | *4782* |
| 60. | Sửa chữa thiết bị liên lạc | *9512* |
| 61. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày | *5510* |
| 62. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thủy hải sản | *4632* |
| 63. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh khai thác và quản lý trợ | *6810* |
| 64. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi | *9511* |
| 65. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác | *4329* |
| 66. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: Cho thuê xà lan, xáng cạp | *7730* |
| 67. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | *4752* |
| 68. | Vận tải hành khách đường thuỷ nội địa | *5021* |
| 69. | Dịch vụ ăn uống khác | *5629* |

| | | |
|---|---|---|
| 70. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...) | *5621* |
| 71. | Dịch vụ phục vụ đồ uống | *5630* |
| 72. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa | *5210* |
| 73. | Hoạt động viễn thông có dây<br>Chi tiết: Kinh doanh các dịch vụ viễn thông, thương mại điện tử | *6110* |
| 74. | Lắp đặt hệ thống điện | *4321* |
| 75. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí | *4322* |
| 76. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn dụng cụ bảo hộ lao đông | *4669* |
| 77. | Cung ứng lao động tạm thời<br>Chi tiết: Cung ứng lao động theo yêu cầu | *7820* |
| 78. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước | *7830* |
| 79. | Hoàn thiện công trình xây dựng | *4330* |
| 80. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép | *4641* |
| 81. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | *4719* |
| 82. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh | *4723* |
| 83. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh | *4771* |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | HUỲNH QUỐC PHONG | Ấp 19, Xã Phong Tân, Thị xã Giá Rai, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam | 18.000.000.000 | 90,000 | 385276918 | |
| 2 | QUAN KIM QUYẾN | Khóm 1, Phường 1, Thị xã Giá Rai, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam | 2.000.000.000 | 10,000 | 385397916 | |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

***** Họ và tên: HUỲNH QUỐC PHONG Giới tính: *Nam*
Chức danh: *Giám đốc*
Sinh ngày: *20/11/1977* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*
Số giấy chứng thực cá nhân: *385276918*
Ngày cấp: *22/02/2016* Nơi cấp: *Công an tỉnh Bạc Liêu*
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Ấp 19, Xã Phong Tân, Thị xã Giá Rai, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam*
Chỗ ở hiện tại: *Ấp 19, Xã Phong Tân, Thị xã Giá Rai, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bạc Liêu